

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2022/DS-PT
Ngày: 23-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Giảng
Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Tô Quyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 tháng 5 và ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1227/2022/QĐ-PT ngày 05/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4879/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại V; Trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2 Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H, ông Lưu Minh D, bà Nguyễn Thị Minh H, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Lê Thanh Q, cùng địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà P, số 26 đường K, Phường 25, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản uỷ quyền số 054463.22 ngày 24/5/2022), (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Hoài A, sinh năm: 1966; địa chỉ cư trú: A8-08 Lô S5, Khu phố M 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hồ Quốc N và ông Nguyễn Minh Q; địa chỉ liên hệ: Số A243OT08 tầng 43 Tòa A2, Khu chung cư R, số 2 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền

công chứng số 00002042, quyền số 01/TPCC-SCC/HĐGD ngày 14/02/2020), (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đức H là luật sư của Chi nhánh Sài Gòn – Công ty Luật H; địa chỉ: Căn hộ số A243OT08 tầng 43 Tòa A2, Khu chung cư R, số 2 T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại V – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/01/2011, Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng V”) có ký kết với bà Lê Hoài A 02 Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 và Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11, nội dung cụ thể như sau:

- *Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011:* NGÂN HÀNG V cho bà Lê Hoài A vay số tiền 13.200.000.000 (mười ba tỷ hai trăm triệu) đồng với mục đích vay thanh toán tiền mua đất để ở, thời hạn là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân cho bà Hoài A theo Khế ước nhận nợ số 1313/KUNN1-VIB606/11 ngày 26/01/2011, nội dung cụ thể của khế ước như sau:

+ Số tiền giải ngân: 13.200.000.000 (mười ba tỷ hai trăm triệu) đồng;

+ Lãi suất vay: 19,6%/Năm, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh Việt Nam đồng kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng V tại thời điểm điều chỉnh cộng 5,6%/Năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng V tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Hình thức giải ngân: Tiền mặt.

+ Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 26/01/2011 đến ngày 26/01/2018.

- *Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011:* Ngân hàng V cho bà Lê Hoài A vay số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng với mục đích vay thanh toán tiền xây dựng công trình để ở, thời hạn là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân cho bà Hoài A theo 02 Khế ước nhận nợ, nội dung cụ thể của từng khế ước như sau:

Khế ước nhận nợ số 1313.1/KUNN1-VIB606/11 ngày 01/7/2011:

+ Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng;

+ Lãi suất vay: 22,3%/Năm, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng V tại thời điểm

điều chỉnh cộng biên độ 4,3%/Năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng V tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật;

+ Hình thức giải ngân: Chuyển khoản;

+ Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 01/7/2011 đến ngày 01/7/2018.

Khế ước nhận nợ số 1313.2/KUNN1-VIB606/11 ngày 22/8/2011:

+ Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

+ Lãi suất vay: 22,3%/Năm, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh Việt Nam đồng kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,3%/Năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng V tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Hình thức giải ngân: Chuyển khoản.

+ Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 22/8/2011 đến ngày 22/8/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Hoài A nhiều lần không trả nợ cho Ngân hàng V. Khoản vay của bà Lê Hoài A bị quá hạn từ ngày 25/08/2012.

Ngày 04/04/2013, bà Lê Hoài A có Đơn xin xem xét miễn giảm lãi và lãi phạt quá hạn. Căn cứ theo đề nghị của khách hàng, ngày 20/4/2015, Phòng thu hồi nợ của Ngân hàng V đã lập tờ trình đề xuất phương án xử lý rủi ro với nội dung: “Xử lý thu hồi một phần nợ gốc, giải chấp tài sản bảo đảm cho Khách hàng Lê Hoài A”. Theo đó:

Ngân hàng V đồng ý cho khách hàng bà Lê Hoài A nộp số tiền 13.000.000.000 đồng và hạch thu vào nợ gốc khoản nợ để giảm dần dư nợ, thời gian thực hiện muộn nhất là ngày 15/5/2015.

THN RB Miền Nam tiếp tục làm việc, yêu cầu và Lê Hoài A thanh toán phần nợ còn lại.

Ngân hàng V chi nhánh T có trách nhiệm giải chấp tài sản bảo đảm sau khi thu đủ số tiền nêu trên.

Ngày 25/5/2015, bà Lê Hoài A đã thực hiện nộp 13.000.000.000 đồng vào tài khoản, Ngân hàng V đã hạch toán số tiền nêu trên vào dư nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng của bà Lê Hoài A tại VIB.

Cùng ngày 25/05/2015, Ngân hàng V đã thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm theo Thông báo số 3051/TB-VIB.SG cho bà Lê Hoài A là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 65 (phường P), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Hoài A theo Hợp đồng thế chấp số 1313/HĐTC1-VIB606/11 được Phòng Công chứng B chứng nhận ngày 25/01/2011. Thông báo số 3051/TB-VIB.SG ngày 25/05/2015 được Ngân hàng V gửi cho Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính đến ngày 09/09/2020, bà Lê Hoài A đã trả được Ngân hàng V số tiền là:

Đơn vị: Đồng

TT	HĐTD	Ngày vay	Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng cộng
	1313	26/1/2011	13.200.000.000	4.270.464.945	17.470.464.945
	1313.1	01/7/2011	2.000.000.000	400.867.044	2.400.867.044
	1313.2	22/8/2011	165.191.351	417.522.224	582.713.575
Tổng cộng			13.365.191.351	4.687.987.169	18.053.178.520

Tạm tính đến ngày 12/01/2022, bà Lê Hoài A còn nợ Ngân hàng V số tiền là:

Đơn vị: Đồng

TT	HĐTD Ngày vay	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổng cộng	Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng đã trả
	1313 26/1/2011	0		12,448,871,852	12,448,871,852	13,200,000,000	4,270,464,945	17,470,464,945
	1313.1 01/7/2011	0		4,398,224,883	4,398,224,883	2,000,000,000	400,867,044	2,400,867,044
	1313.2 22/8/2011	1,834,808,649		10,863,722,464	12,698,531,113	165,191,351	417,522,224	582,713,575
Tổng cộng		1.834.808.649		27.710.819.199	29.545.627.848	13.365.191.351	5.088.854.213	18.454.045.564

Giải trình của Ngân hàng V về nội dung Thông báo số 3051/TB-VIB.SG ngày 25/05/2015 gửi Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Công văn giải tỏa tài sản bảo đảm và đơn yêu cầu xóa đăng ký giao dịch bảo đảm là các chứng từ về mặt thủ tục nhằm mục đích giải chấp tài sản bảo đảm tại tổ chức hành nghề công chứng và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản bảo đảm. Đây là nội dung thông báo/kê khai bởi Ngân hàng V gửi tới các cơ quan nhà nước/tổ chức có liên quan chỉ để thực hiện thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm mà không phải là thỏa thuận được xác lập hợp pháp giữa Ngân hàng V và bên vay nên không được coi là chứng cứ về việc bên vay đã thanh toán hết nợ gốc, lãi và các khoản khác theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tổng số tiền khách hàng còn phải trả cho Ngân hàng V bao gồm nợ gốc, lãi... chưa thanh toán được thể hiện rõ ràng căn cứ trên: Các văn kiện tín dụng đã ký kết (Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ) thể hiện tổng số tiền khách hàng đã nhận nợ; sao kê lịch sử thanh toán nợ vay kèm các chứng từ liên quan thể hiện tổng số tiền khách hàng đã thanh toán cho Ngân hàng V; các văn bản Ngân hàng V gửi khách hàng thể hiện tổng số tiền nợ gốc, lãi và các khoản khác còn thiếu theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Hơn nữa, pháp luật hiện hành chỉ có những quy định cho phép Ngân hàng V được quyền quyết định miễn, giảm lãi theo quy định nội bộ của Ngân hàng V (Điều 95.4 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 21.4 Thông tư 39); không có quy định cho phép Ngân hàng V được miễn, giảm nợ gốc. Theo đó, trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ gốc đúng hạn, Ngân hàng V chỉ được quyền xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 18.3 Thông tư 39. Ngoài ra, ngay cả khi Ngân hàng V đã sử dụng dự phòng đã trích lập để xử lý rủi ro thì cũng không phải là xóa nợ cho khách hàng mà phải tiếp tục theo dõi và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ triệt để theo quy định tại Điều 11 Thông tư 02.

Nay nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Lê Hoài A trả ngay cho Ngân hàng Thương mại V số tiền tạm tính đến ngày 12/01/2022, bà Lê Hoài A còn nợ Ngân hàng V cả gốc và lãi số tiền là: 29.545.627.848 đồng.

Lãi, lãi quá hạn tiếp tục tính kể từ ngày 13/01/2022 cho đến khi bà Lê Hoài A thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà Lê Hoài A trả nợ, khoản nợ không liên quan đến bất kỳ ai khác vì chủ thể xác lập quan hệ tín dụng là Ngân hàng và bà Lê Hoài A.

Bị đơn có người đại diện ủy quyền là ông Hồ Quốc N trình bày:

Ngày 25/01/2011, bà Lê Hoài A và Ngân hàng V – Chi nhánh T ký kết Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 và Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11 và các khế ước nhận nợ như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Việc Ngân hàng V ra văn bản xác nhận bà Lê Hoài A đã trả hết nợ gốc và lãi sau đó yêu cầu bà Lê Hoài A tiếp tục trả nợ gốc và lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, cùng ngày 25/01/2011, bà Lê Hoài A ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1313/HĐTC1-VIB606/11. Theo đó, tài sản thế chấp cho Hợp đồng thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 529299 (số vào sổ cấp GCN: CH07668) do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2010.

Phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp được nêu rõ tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp: “*Bên thế chấp đồng ý thế chấp những tài sản của mình để*

bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với Ngân hàng V (Bên nhận thế chấp), bao gồm: tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí khác theo Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011, Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 và các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh, LC và các nghĩa vụ khác của Bên vay tại Ngân hàng V được ký giữa hai bên trong khoảng thời gian từ ngày 25/01/2011 đến ngày 30/12/2020.

Cũng tại Hợp đồng thế chấp này, tại Điểm i Khoản 1 Điều 5 hai bên có thỏa thuận thừa nhận rằng Bên thế chấp sẽ được xóa thế chấp khi nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng Thế Chấp đã được hoàn thành toàn bộ: “*Bên thế chấp có các quyền và nghĩa vụ dưới đây:*

i) Được xóa thế chấp sau khi Bên vay và/hoặc Bên thế chấp đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.”

Ngày 25/05/2015, Ngân hàng Ngân hàng V – Chi nhánh Sài Gòn phát hành Thông báo Giải tỏa tài sản bảo đảm tiền vay số 3051/TB-VIB.SG. Tại Mục 2 của Thông báo giải tỏa tài sản này nêu rõ: “*Đến nay, Bên vay đã trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V.”*

Cùng ngày 25/05/2015, bà Lê Hoài A và Ngân hàng Ngân hàng V – Chi nhánh Sài Gòn ký đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là “đơn yêu cầu xóa thế chấp”). tại mục 4 của đơn yêu cầu xóa thế chấp này nêu rõ: “*lý do xóa đăng ký: đã tắt toán nợ vay.”*

Thông qua tất cả các văn bản và tình tiết nói trên có thể thấy việc phát hành Thông báo giải tỏa tài sản và ký Đơn yêu cầu xóa thế chấp của Ngân hàng Ngân hàng V là sự thừa nhận bà Lê Hoài A đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp. Đồng thời, việc Ngân hàng Ngân hàng V phát hành Thông báo giải tỏa tài sản cũng phù hợp với quy định tại Điều 373 của Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể tại Điều 373 của Bộ luật Dân sự 2015 có quy định như sau: “*Hoàn thành nghĩa vụ*

Nghĩa vụ được hoàn thành khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ nhưng phần còn lại được bên có quyền cho miễn thực hiện.”

Như vậy, chính từ phía nguyên đơn đã xác nhận và đồng ý từ ngày 25/05/2015 rằng bà Lê Hoài A đã hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp. Do vậy, việc Ngân hàng V yêu cầu bà Lê Hoài A tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Thông báo giải tỏa tài sản và Đơn yêu cầu xóa thế chấp.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khi một bên đương sự đã thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh cho những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản đó. Thông báo giải tỏa tài sản

nói trên do nguyên đơn phát hành thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Thời hạn có hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được quy định lần lượt như sau: Khoản 4 Điều 7 của các Hợp đồng tín dụng quy định: *“Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan khác cho Ngân hàng V (Bên vay giữ 1 bản, Ngân hàng V giữ 3 bản). Hợp đồng này đương nhiên được thanh lý khi Bên vay trả hết nợ cho Ngân hàng V.”*

Điều 6 của Hợp đồng thế chấp quy định: *“Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đăng ký tại Cơ quan có thẩm quyền cho đến khi Bên vay trả hết nợ (nêu tại điều 1) cho Ngân hàng V và thực hiện xóa đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền.”*

Trên thực tế vào ngày 25/05/2015, Ngân hàng Ngân hàng V đã phát hành thông báo giải tỏa tài sản và trong cùng ngày hôm đó, bà Lê Hoài A và Ngân hàng Ngân hàng V đã ký Đơn yêu cầu xóa thế chấp. Điều này có nghĩa là các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã hết hiệu lực vào ngày 25/05/2015.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng như sau: *“Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”*

Ngày 27/12/2018, Nguyên đơn mới nộp Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; như vậy, thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bị đơn đề nghị tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 do thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết.

Dựa vào những nội dung như được trình bày nêu trên, đề nghị Tòa án:

- Xác định việc Ngân hàng V yêu cầu bà Lê Hoài A tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Thông báo giải tỏa tài sản, và Đơn yêu cầu xóa thế chấp; hoặc
- Ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu, bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V về việc yêu cầu bà Lê Hoài A phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi 29.545.627.848 (Hai mươi chín tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 và Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 và các Khế ước nhận nợ số 1313/KU'NN1-VIB606/11 ngày 26/01/2011; Khế ước nhận nợ số 1313.1/KU'NN1-VIB606/11 ngày 01/7/2011; Khế ước nhận nợ số 1313.2/KU'NN1-VIB606/11 ngày 22/8/2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – Ngân hàng Thương mại V do những người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về việc phát hành các văn bản là Thông báo giải chấp và Đơn yêu cầu xóa thế chấp có nội dung bà Lê Hoài A đã trả hết nợ gốc và lãi là do lỗi kỹ thuật đánh máy, lý do giải chấp tài sản không đúng với số tiền gốc bị đơn đã nhận nợ và đã trả, bị đơn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi với Ngân hàng V. Việc ban hành các văn bản trên nhằm tạo điều kiện cho bị đơn trả trước một phần nợ là 13.000.000.000 đồng vào ngày 25/5/2015. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh T là đơn vị cho bị đơn vay nhưng Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh Sài Gòn lại phát hành Thông báo giải chấp và Đơn yêu cầu xóa thế chấp là vượt quá thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 92 Bộ luật Dân sự 2005, Khoản 4 Điều 37 Luật Doanh nghiệp 2005, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh T và Chi nhánh Sài Gòn. Việc một chi nhánh có những giao dịch vượt quá thẩm quyền không làm thay đổi bản chất, nội dung hay kết thúc một giao dịch của chi nhánh khác. Như vậy, việc ban hành Thông báo giải chấp và Đơn yêu cầu xóa thế chấp của Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh Sài Gòn không chứng minh bị đơn đã trả hết nợ gốc, lãi và không chấm dứt nghĩa vụ của bị đơn với Ngân hàng V, không chấm dứt hiệu lực của các hợp đồng tín dụng. Sau khi giải chấp, số nợ còn lại của bị đơn trở thành khoản vay không có tài sản đảm bảo. Bị đơn từ chối tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V là không có căn cứ. Nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Bị đơn phản đối toàn bộ các ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Trần Đức H:

Thông báo giải tỏa tài sản và Đơn yêu cầu xóa thế chấp do phía Ngân hàng V phát hành đều thể hiện nội dung bên vay đã tắt toán nợ vay. Theo quy định tại Điều 5.1 hợp đồng thế chấp quy định tài sản thế chấp được xóa thế chấp khi bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tại phần cuối của Đơn yêu cầu xóa thế chấp nêu rõ Ngân hàng V và bị đơn cam kết những thông tin được kê khai trong đơn là trung thực, phù hợp với thỏa thuận của các bên. Như vậy, có cơ sở cho rằng giữa Ngân hàng V và bị đơn đã có thỏa thuận về việc khi bị đơn trả cho Ngân hàng V số tiền 13.000.000.000 đồng thì bị đơn không còn bất cứ nghĩa vụ trả nợ nào với Ngân hàng V nữa. Thỏa thuận này phù hợp với Điều 7.1 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Điều 4, 375 Bộ luật Dân sự 2005, Khoản 2 Điều 3, Điều 373 Bộ luật Dân sự 2015. Ngoài ra, sau khi giải chấp tài sản, Ngân hàng V không hề ban hành hay có một văn bản nào chốt số nợ còn lại của bị đơn; điều này càng thể hiện việc Ngân hàng V đã xóa số nợ còn lại cho bị đơn, chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của bị đơn với Ngân hàng V. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, ngày 12/01/2022, Tòa án nhân dân Quận B tuyên án; ngày 26/01/2022, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và đã đóng tạm ứng án phí theo quy định; do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và được xem xét theo quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp quy định pháp luật; theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân quận N thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A8-08 M 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên đương sự thì ngày 25/01/2011 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hai Hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 1313/HDDTD1-VIB606/11 và Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HDDTD1-VIB606/11. Theo Hợp đồng tín dụng số 1313/HDDTD1-VIB606/11 thì nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 13.200.000.000 đồng (cấp tín dụng theo từng món). Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất để ở. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 65 (phường P), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo khế ước nhận nợ ngày 26/01/2011 bị đơn đã nhận đủ số tiền 13.200.000.000 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HDDTD1-VIB606/11 thì nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 5.000.000.000 đồng (cấp tín dụng theo từng món). Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích vay: Thanh toán tiền xây dựng công trình để ở tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 65 (phường P), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo khế ước nhận nợ ngày 01/7/2011, bị đơn đã nhận số tiền 2.000.000.000 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 22/8/2011, bị đơn đã nhận số tiền 2.000.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn nhiều lần không trả nợ cho nguyên đơn. Khoản vay của bị đơn bị quá hạn từ ngày 25/08/2012.

Ngày 25/5/2015, bị đơn đã thực hiện nộp 13.000.000.000 đồng vào tài khoản, Ngân hàng V đã hạch toán số tiền nêu trên vào dư nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng của bị đơn tại VIB. Cùng ngày, Ngân hàng V đã thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm theo Thông báo số 3051/TB-VIB.SG cho bị đơn là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số 65 (phường P), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của bị đơn theo Hợp đồng thế chấp số 1313/HĐTC1-VIB606/11 được Phòng Công chứng B chứng nhận ngày 25/01/2011. Thông báo số 3051/TB-VIB.SG ngày 25/05/2015 được Ngân hàng V gửi cho Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thông báo nói trên, Ngân hàng V đã xác nhận “Đến nay, bên vay đã trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V”; đồng thời theo Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/5/2015 của Ngân hàng V gửi Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, tại phần lý do xóa đăng ký có ghi nội dung: “Đã trả hết nợ gốc và lãi”.

Ngày 28/02/2019, Ngân hàng V đã khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận N, sau đó vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân Quận B giải quyết theo thẩm quyền; Ngân hàng V buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi là 29.545.627.848 đồng (tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm). Tòa án nhân dân Quận B đã xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 29.545.627.848 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín

dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ. Xét hai chứng cứ quan trọng nhất của vụ án là Thông báo số 3051/TB-VIB.SG ngày 25/05/2015 được Ngân hàng V gửi cho Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/5/2015 của Ngân hàng V gửi Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất Quận B, nguyên đơn cho rằng việc xác nhận bị đơn đã thanh toán hết nợ là lỗi kỹ thuật của bị đơn trong việc soạn thảo văn bản và Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh T là đơn vị cho bị đơn vay nhưng Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh Sài Gòn lại phát hành Thông báo giải chấp và Đơn yêu cầu xóa thế chấp là vượt quá thẩm quyền giải quyết; việc một chi nhánh có những giao dịch vượt quá thẩm quyền không làm thay đổi bản chất, nội dung hay kết thúc một giao dịch của chi nhánh khác. Như vậy, việc ban hành Thông báo giải chấp và Đơn yêu cầu xóa thế chấp của Ngân hàng Thương mại V - Chi nhánh Sài Gòn không chứng minh bị đơn đã trả hết nợ gốc, lãi và không chấm dứt nghĩa vụ của bị đơn với Ngân hàng V, không chấm dứt hiệu lực của các hợp đồng tín dụng. Sau khi giải chấp, số nợ còn lại của bị đơn trở thành khoản vay không có tài sản đảm bảo. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các hợp đồng tín dụng đã nêu trên thì bị đơn ký hợp đồng vay và giải ngân tại Chi nhánh T nhưng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1313/HD9TC1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 thì Bên thế chấp là bị đơn và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, hợp đồng đã được Phòng Công chứng B chứng nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp quy định pháp luật, đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật. Theo cung cấp chứng cứ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quận B, ngày 26/5/2015, Ngân hàng V đã gửi đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký thay đổi tên bên nhận thế chấp từ Ngân hàng Thương mại V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thành Ngân hàng Thương mại V – Chi nhánh Sài Gòn nên việc Chi nhánh Sài Gòn phát hành thông báo giải chấp và đăng ký xóa thế chấp là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật; các văn bản Ngân hàng V ban hành gửi các cơ quan liên quan có thẩm quyền là các văn bản có giá trị pháp lý. Từ đó cho thấy lý do Ngân hàng V nêu ra về lỗi kỹ thuật và việc giải chấp không đúng là không có cơ sở chấp nhận, nếu là lỗi kỹ thuật thì Ngân hàng V phải lập tức sửa sai và thông báo cho các cơ quan liên quan và khách hàng để sửa chữa đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng V phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lỗi kỹ thuật của mình nếu có.

Thực tế vào thời điểm năm 2015, Ngân hàng V đã chấp nhận cho bà Lê Hoài A trả số tiền 13.000.000.000 đồng và tắt toán nợ, giải chấp tài sản đảm bảo, theo đề xuất ngày 21/4/2015 (Bút lục 160-165) do chính Ngân hàng V cung cấp cho Tòa án đã thể hiện nội dung chính là:

“Chấp thuận cho khách hàng Lê Hoài A nộp số tiền 13.000.000.000 đồng và hạch thu vào nợ gốc khoản nợ để giảm dần dư nợ, thời gian thực hiện muộn nhất là ngày 15/5/2015.

Hạch toán số tiền 7.376.000.000 đồng từ nguồn trích lập dự phòng rủi ro cho khoản nợ bù đắp một phần nợ gốc thiếu hụt (số tiền 1.872.000.000 đồng) và vào lợi nhuận của Ngân hàng V (số tiền 5.504.000.000 đồng)”

Từ đề xuất trên đây và bị đơn đã thực hiện nộp cho Ngân hàng V 13.000.000.000 đồng để tất toán nợ đồng thời Ngân hàng V chấp nhận số tiền trả nợ trên của bị đơn nên đã phát hành thông báo và đơn yêu cầu giải chấp tài sản cho bị đơn có nội dung đã thanh toán hết nợ, đây là một thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định tại các Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005 và tại Điều 375 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 373 Bộ luật Dân sự 2015 về hoàn thành nghĩa vụ dân sự quy định cụ thể:

“Nghĩa vụ dân sự được hoàn thành khi bên có nghĩa vụ đã thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ nhưng phần còn lại được bên có quyền miễn cho việc thực hiện tiếp”

Trường hợp, Ngân hàng V cho rằng sau khi giải chấp số nợ còn lại của bị đơn là nợ không đảm bảo nhưng giữa Ngân hàng V và bị đơn hoàn toàn không có một văn bản thỏa thuận, cam kết nào xác nhận bị đơn còn nợ số tiền gốc 1.834.808.649 đồng và lãi quá hạn của các khế ước số 1313.1 ngày 07/01/2011, khế ước 1313 ngày 26/01/2011 và khế ước số 1313.2 ngày 22/8/2011 cũng như phương thức giải quyết nợ nhằm chứng minh bị đơn còn nợ Ngân hàng V để yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ; bên cạnh đó, phía bị đơn hoàn toàn không thừa nhận còn nợ Ngân hàng V. Trên bảng sao kê tín dụng online lập ngày 30/7/2020 do Ngân hàng V cung cấp và bảng tình hình giao dịch khế ước do Ngân hàng V cung cấp đến ngày 29/7/2020 các khế ước nhận nợ của bị đơn đều ghi cụ thể gốc còn lại 0 (không), lãi còn lại 0 (không), lãi phạt còn lại 0 (không); điều này mặc nhiên Ngân hàng V đã chấp nhận bị đơn không còn nợ.

Hơn nữa khi Ngân hàng V cho rằng việc giải chấp tài sản cho bị đơn là nhằm tạo điều kiện cho bị đơn chuyển nhượng tài sản thế chấp trả nợ cho ngân hàng; điều này được cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ tại Ngân hàng N - Chi nhánh N thì sau khi bị đơn nộp số tiền 13.000.000.000 đồng và được giải chấp thì mới lập hợp đồng thế chấp tài sản và tín dụng tại ngân hàng này và được giải ngân sau đó, không liên quan đến số tiền bị đơn đã trả Ngân hàng V.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, xem xét và đánh giá khách quan, toàn diện toàn bộ các chứng cứ trong vụ án, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng vào các quy định pháp luật tại Điều 357, 374, 471 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kèm theo đơn kháng cáo, Ngân hàng V có nộp thêm hai chứng cứ là Báo cáo chi tiết quan hệ tín dụng và Sổ chi tiết tài khoản của bị đơn, tuy nhiên hai chứng cứ này đã được Ngân hàng V cung cấp cho Tòa án sơ thẩm và

được xem xét trong quá trình giải quyết và xét xử ở cấp cơ thẩm nên không phải là chứng cứ mới, không làm thay đổi nội dung vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu của bị đơn không có căn cứ pháp luật và không áp dụng thời hiệu trong vụ án này là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Với các lý lẽ trên, xét chấp không nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại V về việc yêu cầu bà Lê Hoài A phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi 29.545.627.848 (Hai mươi chín tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1313/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 và Hợp đồng tín dụng số 1313.1/HĐTD1-VIB606/11 ngày 25/01/2011 và các Khế ước nhận nợ số 1313/KUNN1-VIB606/11 ngày 26/01/2011; Khế ước nhận nợ số 1313.1/KUNN1-VIB606/11 ngày 01/7/2011; Khế ước nhận nợ số 1313.2/KUNN1-VIB606/11 ngày 22/8/2011.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 137.545.628 (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm

ngàn sáu trăm hai mươi tám) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp là 63.206.000 (Sáu mươi ba triệu hai trăm lẻ sáu ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0041604 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận N - Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại V còn phải nộp số tiền án phí là 74.339.628 (Bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi tám) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại V phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) Ngân hàng Thương mại V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0014022 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng Thương mại V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương